

BẢO CÁO THỰC HIỆN CHI NSDP NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2023	Dự toán HDND tỉnh thông qua đầu năm 2023	Số thực hiện năm 2022	Số thực hiện 10 tháng 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2024	Dự toán địa phương giao năm 2024	SO SÁNH (%)				
								6/2	6/3	6/4	8/6	8/7
Tổng chi NSDP	15.280.404	18.345.000	13.715.592	10.946.449	16.432.000	14.065.341	16.719.000	108	90	120	102	119
A. Chi cân đối NSDP	15.280.404	18.345.000	13.706.366	10.940.715	16.425.200	14.065.341	16.719.000	107	90	120	102	119
I. Chi đầu tư phát triển	7.424.731	5.066.774	6.450.021	5.631.141	8.102.200	4.761.110	5.630.202					
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	7.424.731	5.066.774	6.450.021	5.631.141	8.102.200	4.761.110	5.630.202					
Trong đó:												
- Kế hoạch vốn giao	7.424.731	5.066.774	6.450.021	2.588.688	4.560.097	4.761.110	5.630.202	61	90	71	123	118
- Số quyết toán các dự án năm trước chuyển sang				3.042.453	3.542.103							
II. Chi thường xuyên	7.303.851	10.168.012	7.245.688	5.309.574	8.322.000	7.161.904	8.769.787	114	82	115	105	122
1. Chi sự nghiệp kinh tế	-	3.645.840	974.944	463.789	1.919.000		1.951.076		53	197	102	
2. Chi sự nghiệp môi trường	-	93.722	68.103	39.345	84.000		90.000		90	123	107	
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.154.850	3.227.153	2.752.526	2.316.644	3.163.000	3.595.478	3.595.478	100	98	115	114	100
4. Chi sự nghiệp y tế	-	665.288	596.344	477.513	659.000		712.016		99	111	108	
5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.182	25.182	11.188	21.763	25.182	26.017	26.017	100	100	225	103	100
6. Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao	-	155.517	157.144	115.122	145.000		135.768		93	92	94	



Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2023	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2023	Số thực hiện năm 2022	Số thực hiện 10 tháng 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2024	Dự toán địa phương giao năm 2024	SO SÁNH (%)				
								6/2	6/3	6/4	8/6	8/7
7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	-	114.390	91.448	58.750	114.390		113.387		100	125	99	
8. Chi đảm bảo xã hội	-	492.068	403.685	208.398	492.068		442.703		100	122	90	
9. Chi quản lý hành chính	-	1.260.868	1.610.894	1.217.999	1.236.000		1.309.822		98	77	106	
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	-	414.856	525.292	348.117	414.856		315.794		100	79	76	
11. Chi khác ngân sách	-	73.128	54.121	42.134	69.505		77.726		95	128	112	
III. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000			1.000	1.000	1.000	100	100		100	100
IV. Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	2.722.055					1.978.311		-			
V. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	271.086					1.852.691		-				-
VI. Chi trả nợ, lãi vay			10.657			8.900				-		-
VII. Dự phòng	279.736	387.159				279.736	339.700	-	-			121
B. Các khoản chi được quản lý qua NSNN	-		9.226	5.734	6.800					74	-	